**ĐẠI HỌC QUỐC GIA – TP. HCM**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

# BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT SINH VIÊN VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2017 - 2018

*Tp. Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2018*

# I. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT

## 1. Mục đích khảo sát

- Tạo kênh thông tin từ phía người học giúp giảng viên (GV) giảng dạy các môn học chương trình chất lượng cao (CLC) tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy của mình nhằm không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm , trình độ chuyên môn trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của Nhà trường;
- Góp phần xây dựng đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phương pháp và phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại;
- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học về quyền lợi, nghĩa vụ học tập , rèn luyện của bản thân , tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư , nguyện vọng, thể hiện chính kiến về hoạt động giảng dạy của GV;
- Giúp cán bộ quản lý cấp Trường, Khoa/Bộ môn có cơ sở nhận xét, đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, bố trí công tác và khen thưởng kỷ luật đối với GV.

## 2. Quy trình khảo sát

### 2.1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Sinh viên (SV) thuộc chương trình chất lượng cao (CLC) học các môn lý thuyết, thực hành PT 1, thực hành PT2.

### 2.2. Hình thức

Khảo sát trực tuyến, hệ thống khảo sát gửi link khảo sát https://student.uit.edu.vn đến SV theo danh sách môn học đã đăng ký, SV hoàn thành phiếu khảo sát theo hướng dẫn.

### 2.3. Thời gian thực hiện

- Thời gian khảo sát: *(sau khi kết thúc môn học đến trước khi công bố điểm)*
  - Đối với SV từ khóa 07 đến khóa 11: Từ ngày 03/01/2018 – 02/02/2018
  - Đối với SV khóa 12: Từ ngày 15/01/2018 – 15/02/2018
- Xử lý số liệu và tách dữ liệu: 01/03/2018– 08/03/2018
- Viết báo cáo: 09/03/2018 – 31/03/2018

### 2.4. Công cụ khảo sát

Các mẫu phiếu khảo sát do Phòng TT-PC-ĐBCL xây dựng, điều chỉnh và cập nhật với việc tham khảo một số mẫu phiếu của các trường đại học khác và đã được ý kiến đóng góp của các cán bộ viên chức trong trường.

Bảng khảo sát môn học lý thuyết gồm 17 câu hỏi/tiêu chí, môn học thực hành PT1 gồm 18 câu hỏi/tiêu chí, môn học thực hành PT2 gồm 8 câu hỏi/tiêu chí, tập trung đánh

giá các nhóm nội dung về: Hình thức tổ chức môn học; hoạt động giảng dạy của GV; hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; mức độ hài lòng với môn học.

Các câu hỏi trong bảng khảo sátđược xây dựng trên thang đo Likert với 4 mức độ:

- *Mức 1:* Chưa Tốt/Hài lòng 1 điểm
- *Mức 2:* Bình thường 2 điểm
- *Mức 3:* Tốt/Hài lòng 3 điểm
- *Mức 4:* Rất Tốt/Hài lòng 4 điểm

## II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

### 1. Số lượng SV thực hiện khảo sát theo môn học đăng ký

Nhà trường quy định SV thực hiện khảo sát môn học (*bao gồm các môn học lý thuyết, thực hành PT1, thực hành PT2*) như sau:

- SV đăng ký <= 4 môn học, thực hiện khảo sát 100% môn học đăng ký;
- SV đăng ký >4 môn học, thực hiện khảo sát ít nhất 50% môn học đăng ký.

Kết quả thu được từ 816/979 **(83.4%)** SV tham gia khảo sát ở chương trình CLC cho thấy: trên 95% SV thực hiện khảo sát 100% môn học đã đăng ký, chỉ có 23 SV (2.8%) thực hiện khảo sát dưới 50% số môn học đăng ký.

| **Tỉ lệ môn học đã thực hiện** | **SV đăng ký <= 4 môn học (N= 656)** | | **SV đăng ký > 4 môn học (N= 160)** | |
|---|---|---|---|---|
| | *Số lượng* | *Tỉ lệ (%)* | *Số lượng* | *Tỉ lệ (%)* |
| **100%** | 628 | **95.7** | 153 | **95.6** |
| **50% - dưới 100%** | 9 | **1.4** | 3 | **1.9** |
| **Dưới 50%** | 19 | **2.90** | 4 | **2.5** |

*Bảng 1. Số lượng SV thực hiện khảo sát theo số lượng môn học*

### 2. Số lượng phiếu khảo sát thu được và một số thông tin chung đã khảo sát

Theo thống kê từ Phòng Đào tạo Đại học, số lượng các lớp của chương trình CLC (*không bao gồm các lớp giảng dạy theo phương pháp CDIO*) ở HKI/2017-2018 gồm có:

- MH lý thuyết: 40 môn học với 127 lớp và 67 GV tham gia giảng dạy;
- MH thực hành PT1: 19 môn học với 82 lớp và 43 GV tham gia giảng dạy;
- MH thực hành PT2: 8 môn học với 14 lớp và 8 GV tham gia giảng dạy;

Phòng TT-PC-ĐBCL đã tổ chức khảo sát và thu về kết quả của 100% các lớp và môn học. Trong đó, số lượt tham gia khảo sát cụ thể ở mỗi đơn vị quản lý được thể hiện ở bảng sau:

| Đơn vị quản lý | Môn học lý thuyết | | | Môn học thực hành PT1 | | | Môn học thực hành PT2 | | | Tổng | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | *Theo TKB* | *Theo KS* | *Tỉ lệ (%)* | *Theo TKB* | *Theo KS* | *Tỉ lệ (%)* | *Theo TKB* | *Theo KS* | *Tỉ lệ (%)* | *Theo TKB* | *Theo KS* | *Tỉ lệ (%)* |
| BMAV | 673 | 555 | **82.5** | | | | | | | 673 | 555 | **82.5** |
| BMTL | 1441 | 1085 | **75.3** | 800 | 573 | **71.6** | | | | 2241 | 1658 | **74.0** |
| CNPM | 602 | 526 | **87.4** | 36 | 29 | **80.6** | 433 | 376 | **86.8** | 1071 | 931 | **86.9** |
| HTTT | 531 | 486 | **91.5** | 437 | 395 | **90.4** | 46 | 41 | **89.1** | 1014 | 922 | **90.9** |
| KHMT | 442 | 324 | **73.3** | 442 | 312 | **70.6** | | | | 884 | 636 | **71.9** |
| KTMT | 508 | 435 | **85.6** | 233 | 198 | **85.0** | | | | 741 | 633 | **85.4** |
| MMT&TT | 268 | 247 | **92.2** | 268 | 245 | **91.4** | | | | 536 | 492 | **91.8** |
| PĐTĐH | 631 | 517 | **81.9** | | | | | | | 631 | 517 | **81.9** |
| **Tổng** | **5096** | **4175** | **81.9** | **2216** | **1752** | **79.1** | **479** | **417** | **87.1** | **7791** | **6344** | **81.4** |

*Bảng 2. Thống kê về thực trạng số phiếu khảo sát*

**Tỉ lệ thời gian lên lớp của SV:**

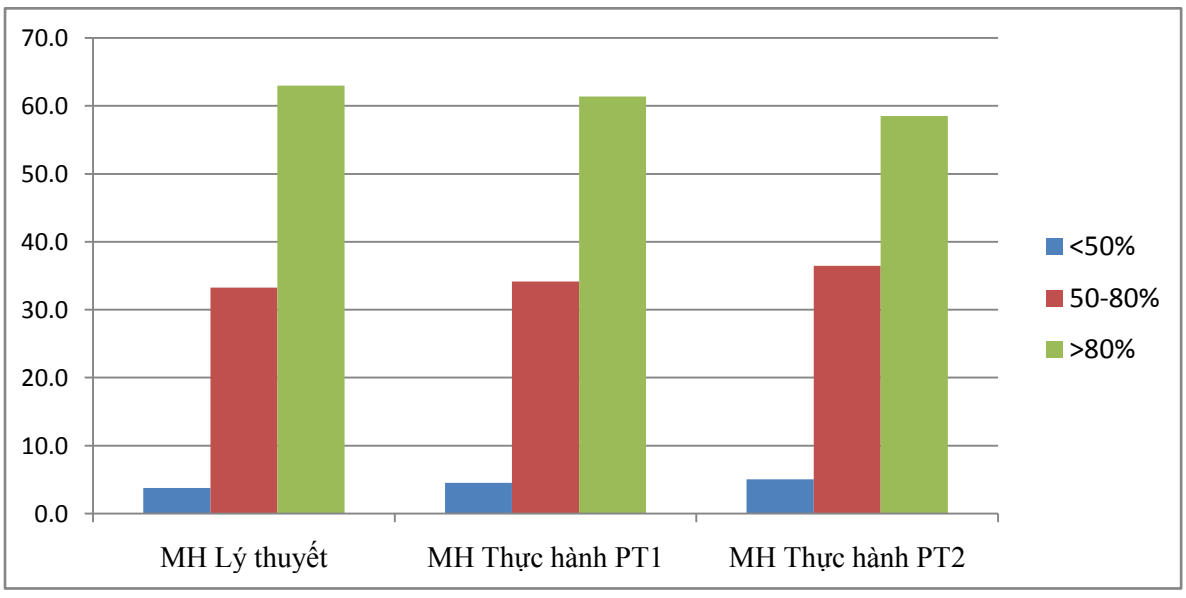


*Biểu đồ 1. Tỉ lệ thời gian lên lớp của SV (%)*

## 3. Kết quả khảo sát chung

### 3.1. Kết quả khảo sát môn học lý thuyết

Trong 127 lớp học đã khảo sát, có 122 lớp (96.1%) có từ 50% SV trở lên tham gia khảo sát; 6 lớp (3.9%) có dưới 50% SV tham gia khảo sát. Phần báo cáo dưới đây không thể hiện các lớp có tỉ lệ SV tham gia khảo sát dưới 50%.

Bảng câu hỏi dành cho môn học lý thuyết gồm có 17 câu hỏi (tiêu chí). Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng mô tả tỷ lệ SV trả lời theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

| TT | Tiêu chí (Câu hỏi) | Không ý kiến | Chưa tốt/ Hài lòng | Bình thường | Tốt/ Hài lòng | Rất tốt/ Hài lòng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chuẩn đầu ra, yêu cầu và nội dung môn học được giảng viên giới thiệu trong buổi đầu tiên | | 6.4 | | 32.1 | 56.1 |
| 2 | Phòng học/thí nghiệm và trang thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập | | 7 | | 34.7 | 52.7 |
| 3 | Giáo trình, bài giảng và tài liệu phục vụ môn học được cung cấp đầy đủ và cập nhật trên hệ thống Moodle | | 7.2 | | 31.3 | 55.6 |
| 4 | Giảng viên hướng dẫn Anh/Chị phương pháp học tập chủ động và tạo động cơ học tập suốt đời | | 8.2 | | 33.4 | 52.7 |
| 5 | Giảng viên trình bày các vấn đề trong môn học mang tính cập nhật, chuẩn xác và có liên hệ thực tiễn | | 8.2 | | 32.8 | 53.5 |
| 6 | Phương pháp giảng dạy của giảng viên giúp Anh/Chị hiểu được và vận dụng được kiến thức | | 10.1 | | 32.9 | 51.4 |
| 7 | Giảng viên có khả năng truyền đạt tốt | | 9 | | 32.6 | 52.7 |
| 8 | Giảng viên tận tâm, nhiệt tình | | 5.7 | | 31 | 58.3 |
| 9 | Giảng viên sử dụng giờ lên lớp hiệu quả | | 7.1 | | 32.2 | 55.6 |
| 10 | Giảng viên giảng dạy tuân thủ theo đề cương môn học | | 5.4 | | 31.8 | 57.9 |

| | | |
|---|---|---|
| 11 | Giảng viên đảm bảo giờ lên lớp | |
| 12 | Giảng viên sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học hợp lý, hiệu quả | |
| 13 | Giảng viên sử dụng Hệ thống Moodle để thảo luận và hỗ trợ Anh/Chị trong quá trình học | |
| 14 | Giảng viên đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập của Anh/Chị | |
| 15 | Nội dung kiểm tra/thi tổng hợp được kiến thức/kỹ năng của môn học | |
| 16 | Kết thúc môn học, Anh/Chị được trang bị kiến thức và kỹ năng đáp ứng chuẩn đầu ra | |
| 17 | Mức độ hài lòng của Anh/Chị về chất lượng giảng dạy môn học | |

*Bảng 3. Tỷ lệ SV đánh giá môn học lý thuyết theo từng tiêu chí (%)*

Kết quả cho thấy, có khoảng 83.3% - 89.7% SV đánh giá *tốt/hài lòng* và *rất tốt/rất hài lòng* (*gọi chung là hài lòng*) đối với 17 tiêu chí về hoạt động giảng dạy của GV. Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV ở các môn học thuộc chương trình CLC tương đồng với mức độ hài lòng ở các môn học thuộc các chương trình khác (84.3% - 89.8%)

***Nhận xét cụ thể từng tiêu chí:**

- Tiêu chí 10- *Giảng viên giảng dạy tuân thủ theo đề cương môn học* (89.7%) là tiêu chí có tỷ lệ hài lòng của SV cao nhất.

- Các hoạt động khác của GV như: *Đánh giá đúng, công bằng kết quả học tập*; *tận tâm, nhiệt tình*; *sử dụng trang thiết bị, đồ dùng học tập hiệu quả* cũng được SV hài lòng cao, tỉ lệ trên 89%.

- 87.3% là tỷ lệ SV hài lòng chung về chất lượng giảng dạy ở các môn học lý thuyết.

- Các tiêu chí còn lại có mức hài lòng khoảng 85% - 86% tập trung đánh giá về phương pháp giảng dạy/hướng dẫn của GV, về trang thiết bị, giáo trình, tài liệu môn học;

- Tiêu chí 13- *Giảng viên sử dụng Hệ thống Moodle để thảo luận và hỗ trợ Anh/Chị trong quá trình học* có tỷ lệ hài lòng thấp nhất (83.3%).

****Câu hỏi về chuẩn đầu ra:**

SV biết chuẩn đầu ra môn học thông qua phần giới thiệu đề cương môn học của GV vào đầu học kỳ. Đây là căn cứ để SV xác định đã đạt bao nhiêu % so với chuẩn đầu ra khi kết thúc môn học. Theo kết quả khảo sát, đa số SV đạt *từ 50% đến dưới 90%* so với chuẩn đầu ra môn học (Biểu đồ 4).

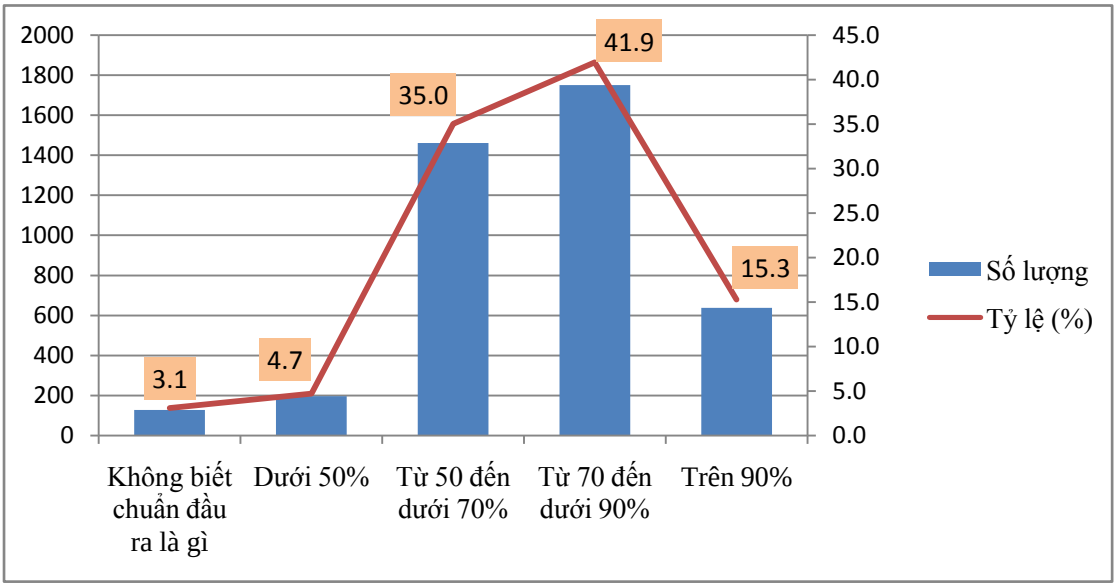


*Biểu đồ 2. SV tự đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra môn học(%)*

### 3.2. Môn học thực hành PT1

Trong 82 lớp học đã khảo sát, có 78 lớp (95.1%) có từ 50% SV trở lên tham gia khảo sát; 4 lớp (4.9%) có dưới 50% SV tham gia khảo sát. Phần báo cáo dưới đây không thể hiện các lớp có tỉ lệ SV tham gia khảo sát dưới 50%.

Bảng câu hỏi dành cho môn học thực hành PT1 gồm 18 câu hỏi/tiêu chí. Kết quả khảo sát được trình bày dưới dạng mô tả tỷ lệ SV trả lời theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

| TT | Tiêu chí (Câu hỏi) | Không ý kiến | Chưa tốt/ Hài lòng | Bình thường | Tốt/ Hài lòng | Rất tốt/ Hài lòng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Anh/ Chị có đủ thông tin về đề cương/ kế hoạch thực hành | 5.3 | | 34.2 | | 57.3 |
| 2 | Đề cương nêu rõ kiến thức, kỹ năng người học cần đạt được sau mỗi bài thực hành | 5.3 | | 36.2 | | 55.1 |
| 3 | Trang thiết bị, phòng máy được trang bị tốt, đáp ứng yêu cầu trong quá trình thực hành/ thí nghiệm | 5.1 | | 35.8 | | 55.5 |

| | | |
|---|---|---|
| 4 | Phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo điều kiện an toàn | |
| 5 | Anh/ Chị được phân chia nhóm một cách hợp lý | |
| 6 | Anh/ Chị được cung tài liệu/ bài tập thực hành đầy đủ | |
| 7 | Tài liệu/ bài tập thực hành trình bày rõ ràng, dễ hiểu, cập nhật | |
| 8 | Thời khoá biểu thực hành phân bổ hợp lý, phù hợp với lý thuyết | |
| 9 | Anh/ Chị được phổ biến về hình thức kiểm tra/ đánh giá kết quả học tập trước khi học | |
| 10 | Giảng viên theo dõi, giám sát quá trình thực hành của Anh/ Chị | |
| 11 | Giảng viên hướng dẫn nội dung, mô tả các bước thực hiện trước khi tiến hành thực hành/ thí nghiệm | |
| 12 | Giảng viên có nhiều kinh nghiệm chuyên môn qua việc hướng dẫn và giải đáp thắc mắc của Anh/ Chị | |
| 13 | Giảng viên đảm bảo và sử dụng thời gian trên lớp hiệu quả | |
| 14 | Anh/ Chị hài lòng với cách trả lời/ giải đáp của giảng viên về bài học | |
| 15 | Giảng viên đánh giá chính xác, công bằng kết quả thực hành của Anh/ Chị | |
| 16 | Hình thức kiểm tra/ đánh giá phù hợp với môn thực hành | |
| 17 | Anh/ Chị nhận được kiến thức, kỹ năng như mục tiêu của môn học | |
| 18 | Anh/ Chị hài lòng với hoạt động giảng dạy thực hành của giảng viên | |

*Bảng 4. Tỷ lệ SV đánh giá môn học thực hành PT1 theo từng tiêu chí (%)*

Nhìn chung, mức độ hài lòng của SV ở môn học thực hành PT1 cao hơn so với mức độ ở môn học lý thuyết với 15/18 tiêu chí đạt mức hài lòng từ 90% trở lên. Trong đó:

- Tiêu chí 6- *GV cung cấp cung cấp tài liệu/ bài tập thực hành đầy đủ* được SV đánh giá ở mức hài lòng cao nhất (91.5%);

- Hầu hết SV (chiếm 91.2%) cho rằng hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV ở các môn học thực hành khi đa số đánh giá cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn, sự hướng dẫn nhiệt tình của GV.

- Bên cạnh các tiêu chí có tỉ lệ hài lòng trên 90%, vẫn còn một số tiêu chí về trang thiết bị, việc phân chia nhóm thực hành cần được cải thiện hơn như: tiêu chí 4- *Phòng thí nghiệm, thực hành đảm bảo điều kiện an toàn* (89.3%); tiêu chí 5- *Anh/ Chị được phân chia nhóm một cách hợp lý* (89%); tiêu chí 3- *Trang thiết bị, phòng máy được trang bị tốt, đáp ứng yêu cầu trong quá trình thực hành/ thí nghiệm* (86.1%).

### 3.3. Môn học thực hành PT2

Tất cả các lớp thực hành PT2 có tỷ lệ SV tham gia khảo sát từ 50% trở lên.

Theo quy định, nhiệm vụ của GV ở các môn học thực hành PT2 là đảm bảo việc hướng dẫn, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc cho SV một cách thường xuyên, nhanh chóng nhằm giúp SV hoàn thành các bài tập, đồ án của môn học.

Nhìn chung, tỷ lệ hài lòng của SV đối với các môn học thực hành PT2 thấp hơn ở PT1, tuy nhiên mức độ hài lòng giữa các tiêu chí lại không có cách biệt nhiều, tập trung từ 88.1% đến 89.6%.

Bảng câu hỏi dành cho môn học thực hành PT 1 gồm có 8 câu hỏi (tiêu chí). Kết quả khảo sát theo từng tiêu chí thể hiện ở bảng sau:

| TT | Tiêu chí (Câu hỏi) | Không ý kiến | Chưa tốt/ Hài lòng | Bình thường | Tốt/ Hài lòng | Rất tốt/ Hài lòng |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | GV có gặp SV (tối thiểu 3 buổi học tập trung) theo quy định đã thông báo | | 6.7 | | 39.3 | 49.1 |
| 2 | GV trả lời các câu hỏi của sinh viên một cách nhanh chóng (trong vòng 24 giờ) | | 7.1 | | 41.2 | 47 |
| 3 | Bài tập, đồ án phù hợp với nội dung của môn học | | 6.6 | | 41.2 | 48.1 |
| 4 | GV cung cấp các tài liệu đầy đủ trong quá trình thực hiện đồ án, bài tập thực hành | | 7.4 | | 39.6 | 48.5 |
| 5 | GV thường xuyên sử dụng moodle, email, forum, hoặc trang web cá nhân để trao đổi với sinh viên về đồ án, bài tập thực hành | | 7 | | 41.5 | 46.8 |
| 6 | GV có quy định về thời gian nộp đồ án, bài tập hoặc báo cáo cho sinh viên | | 6.1 | | 40.6 | 49 |
| 7 | SV hài lòng với cách hướng dẫn của giảng viên trong việc thực hiện đồ án, bài tập của môn thực hành | | 7.5 | | 41.1 | 47 |

| | | |
|---|---|---|
| 8 | GV đánh giá chính xác, công bằng kết quả thực hiện đồ án, bài tập thực hành của SV | |

*Bảng 5. Tỷ lệ SV đánh giá môn học thực hành PT2 theo từng tiêu chí (%)*

### 3.4. Điểm trung bình theo lớp của GV

Dựa trên mức độ hài lòng của SV theo từng tiêu chí ở mỗi lớp, Phòng TT-PC-ĐBCL đã xử lý số liệu để có mức điểm trung bình của mỗi GV theo lớp, với quy ước:

- Điểm trung bình < 3 điểm: Dưới mức hài lòng/tốt;
- Điểm trung bình 3 – 4 điểm: Đạt mức hài lòng/tốt

Dưới đây là bảng tóm tắt mức điểm trung bình của GV theo các loại hình môn học:

| TT | Nội dung | Môn học lý thuyết (SL: 122) | | Môn học thực hành PT1 (SL: 78) | | Môn học thực hành PT2 (SL: 14) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | SL | Tỷ lệ % | SL | Tỷ lệ % | SL | Tỷ lệ % |
| 1 | Điểm trung bình <3.0 | 3 | 2.5 | 1 | 1.3 | - | - |
| 2 | Điểm trung bình từ 3.0 đến < 3.5 | 47 | 38.5 | 28 | 35.9 | 7 | 50.0 |
| 3 | Điểm trung bình từ 3.5 đến 4.0 | 72 | 59.0 | 49 | 62.8 | 7 | 50.0 |
| 4 | Điểm trung bình cao nhất | 4 | | 3.9 | | 3.7 | |
| 5 | Điểm trung bình thấp nhất | 2.9 | | 2.7 | | 3.1 | |

*Bảng 6. Tóm tắt mức điểm trung bình của GV*

### 3.5. Ý kiến thêm về hoạt động giảng dạy

Theo phiếu khảo sát, Nhà trường yêu cầu SV cho biết những điều hài lòng và chưa hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV. Học kỳ I/2017-2018 có tổng cộng 1105 lượt ý kiến của SV, cụ thể:

- MH lý thuyết: Có 751 ý kiến hài lòng; 199 ý kiến chưa hài lòng;
- MH thực hành PT1: Có 270 ý kiến hài lòng; 45 ý kiến chưa hài lòng;
- MH thực hành PT2: Có 28 ý kiến hài lòng; 01 ý kiến chưa hài lòng;

❖ Nhìn chung, những điều hài lòng của SV tập trung vào:

- Thái độ giảng dạy của GV: “nhiệt tình”, “vui tính”, tận tâm”, “hỗ trợ”, "tâm huyết", "dễ thương",…;
- Phương pháp giảng dạy: “dễ hiểu”, “hiệu quả”, “sinh động”, “dạy kĩ”…;
- GV "đúng giờ", “sử dụng giờ lên lớp hiệu quả”, chỉ dạy nhiều bài học về thực tế.

❖ SV cho biết chưa hài lòng về việc GV: "dạy quá nhanh", "khó hiểu"; khả năng truyền đạt của GV chưa tốt; "ít ví dụ", chưa giải bài tập nhiều; GV ít tương tác hoặc hướng dẫn khi SV cần trao đổi qua email, điện thoại; tình trạng "trễ giờ", "dạy quá giờ" của các GV vẫn được SV phản ánh.

Một số SV phản ánh đề thi khó hơn các bài tập đã dạy; GV chấm điểm cảm tính, không khách quan. Ngoài ra, một vài phản ánh trang thiết bị, phòng học ở các môn thực hành chưa tốt, cần cải thiện.

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Học kỳ I/2017-2018, phòng TT-PC-ĐBCL phối hợp cùng phòng DL&CNTT đã khảo sát và xử lý kết quả 100% các môn học, với sự tham gia khoảng 80% SV đang học tập ở chương trình CLC của Trường.

- Nhìn chung, mức độ hài lòng, cũng như tỷ lệ GV được SV đánh giá khá/tốt ở các môn học chương trình CLC cũng tương đồng với kết quả từ các chương trình khác.
- Tất cả tiêu chí khảo sát đều được SV đánh giá hài lòng trên 84%.
- Trên 97% GV tham gia giảng dạy chương trình CLC được SV đánh giá đạt yêu cầu về chất lượng giảng dạy với điểm trung bình từ 3 điểm trở lên.
- 57.2% là tỷ lệ SV tự đánh giá đạt từ 70% trở lên chuẩn đầu ra của môn học.
- Có 1049/1105 ý kiến thêm của SV cho biết hài lòng về hoạt động giảng dạy của GV ở các hình thức môn học.

### 2. Kiến nghị

- GV tham khảo kết quả khảo sát nhằm điều chỉnh, nâng cao hoạt động giảng dạy của mình để tăng số lượng môn học được SV đánh giá tốt;
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông để SV hiểu rõ tầm quan trọng của hoạt động khảo sát và tích cực tham gia; đồng thời, đề nghị Phòng CTSV, Đoàn thanh niên nhắc nhở SV nâng cao tính trách nhiệm khi tham gia góp ý kiến về hoạt động giảng dạy của GV như cách dùng từ, văn phong góp ý;
- Khoa/bộ môn cần sử dụng kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng giảng dạy. Đồng thời có kế hoạch, giải pháp đối với các GV có nhiều SV phản ánh không hài lòng hoặc có điểm trung bình thấp qua các học kỳ;
- Duy trì việc giải đáp các thắc mắc của SV, phản hồi về việc sử dụng kết quả khảo sát đến toàn thể SV để SV biết được những ý kiến, đánh giá của mình đã được sử dụng và Nhà trường có cải tiến sau mỗi năm/học kỳ.

- Có kế hoạch đánh giá hoạt động khảo sát SV về môn học để tìm kiếm và áp dụng các giải pháp hiệu quả cho hoạt động này trong năm 2018.

- Cần tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm trong giảng dạy ở những GV có sự đánh giá tốt từ SV.

- Có hình thức khen thưởng, tuyên dương các GV giảng dạy có điểm đánh giá đánh và nhận xét tốt qua nhiều học kỳ.

**PHÒNG TT-PC-ĐBCL**
**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**
**(Đã ký)**

**Trịnh Thị Mỹ Hiền**